Đề-ca-mét vuông. Héc-tô-mét vuông lớp 5

1. Viết số đo trước rồi sau đó viết tên đơn vị đo diện tích.

a) Hai trăm bảy mươi mốt đề-ca-mét vuông: ……

b) Mười tám nghìn chín trăm năm mươi tư đề-ca-mét vuông: …

c) Sáu trăm linh ba héc-tô-mét vuông: ……

d) Ba mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi héc-tô-mét vuông: ……

2. a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$2dam^2$ =…… m^2 $3dam^2 15m^2$ = ……m^2

$200m^2$ = …… dam^2 $30hm^2$ = ……dam^2

$12hm^2$ $5dam^2$ = …… dam^2 $760m^2$ = ...dam^2 …….. m^2.

b) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$1m^2$ = ……dam^2 $1dam^2$ = ……hm^2

$3m^2$ = ……dam^2 $8dam^2$ = ……hm^2

$27m^2$= ……dam^2 $15dam^2$ = …… hm^2.

3. Viết các số đo sau dưới dạng số đo bằng đề-ca-mét vuông:

a) $5dam^2$ $23m^2$ =…… dam^2 +…… dam^2 =…… dam^2

b) $16dam^2$ $91m^2$ =…… dam^2 +…… dam^2 =…… dam^2

c) $32dam^2$ $5m^2$ = …… dam^2 +…… dam^2 =…… dam^2

LIVEWORKSHEETS